

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2021/DS-PT

Ngày: 12- 01- 2021

V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Tôn Văn Trung

Các Thẩm phán:

Bà Nguyễn Thị Cúc

Ông Trần Quang Phúc

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Hiền – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Tào Minh Quân – Kiểm sát viên.

Trong ngày 12 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 532/2020/TLPT-DS ngày 28/10/2020 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”. Do bản án sơ thẩm số: 29/2020/DS-ST ngày 19/8/2020 của Tòa án nhân dân Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng nghị. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 6033/2020/QĐ-PT ngày 01 tháng 12 năm 2020. Quyết định hoãn phiên tòa số: 26059/2020/QĐ-HPT ngày 22 tháng 12 năm 2020; giữa:

1. *Nguyên đơn:* Ngân hàng TMCP S.

Trụ sở chính: 266-268 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường A, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Lê Ngọc M, sinh năm 1970. Giấy uỷ quyền số 3892/2018/GUQ-PL ngày 03/12/2018 và Giấy uỷ quyền lại số 125/2019/UQ-TTT ngày 08/7/2019.

2. *Bị đơn:* Ông Phạm Hà Hải Đ, sinh năm 1987.

Thường trú: 351/50 Lê Văn Sỹ, Phường C, Quận B, Tp. Hồ Chí Minh

Nơi cư trú sau cùng: Số 33/7 Quốc Hương, phường T, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 07/6/2017 và các bản tự khai, ông Lã Ngọc Minh đại diện theo uỷ quyền của Ngân hàng TMCP S trình bày:

Ngân hàng TMCP S (gọi tắt Ngân hàng) ký kết với ông Phạm Hà Hải Đ (gọi tắt là ông Đ) hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng 25/06/2014 (theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và Bản điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), gồm thẻ Visa Credit Gold 472075-8500 và thẻ Family Local Credit 970403-8944, với hạn mức sử dụng chung là 50.000.000 đồng, mục đích tiêu dùng cá nhân.

Quá trình thực hiện hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng: Sau khi được Ngân hàng cấp thẻ tín dụng, ông Đ thực hiện các giao dịch qua thẻ gồm: Thẻ Visa Credit Gold số tiền là 61.256.528 đồng, thẻ Family Local Credit số tiền là 77.300.000 đồng. Tổng số tiền phát sinh là 138.556.528 đồng, ông Đ đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 108.350.000 đồng. Tính đến ngày 10/04/2017, ông Đ còn nợ Ngân hàng các khoản: Nợ gốc: 51.555.162 đồng, lãi quá hạn 29.700.564 đồng. Tổng cộng: 81.255.726 đồng. Theo Ngân hàng thì ông Đ đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán (quy định tại Điều 2 Bản Điều Khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng) nên ngày 06/12/2015 Ngân hàng chủ động chấm dứt quyền sử dụng thẻ đối với ông Đ và chuyển toàn bộ dư nợ sang nợ quá hạn (theo Điều 23 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng) và tiến hành khởi kiện ông Đ để Ngân hàng thu hồi nợ.

Tại phiên toà sơ thẩm, Ngân hàng xác định yêu cầu cụ thể như sau:

- Buộc ông Phạm Hà Hải Đ phải thanh toán cho Ngân hàng ngay một lần toàn bộ nợ gốc và lãi, tính đến hết ngày 04/06/2020 là số tiền: 150.738.143 đồng, chi tiết gồm:

Thẻ Visa Credit Gold 472075-8500: Nợ gốc 23.296.206 đồng, lãi quá hạn 41.145.649 đồng. Cộng dư nợ: 64.441.855 đồng.

Thẻ Family Local Credit 970403-8944: Nợ gốc 28.258.956 đồng, lãi quá hạn 58.037.332 đồng. Cộng dư nợ: 86.296.288 đồng.

- Lãi quá hạn tiếp tục phát sinh từ ngày 05/06/2020 đến khi tất toán toàn bộ nợ gốc, theo mức lãi suất quá hạn thoả thuận tại hợp đồng thẻ tín dụng đã ký (đối với Thẻ Visa Credit Gold 472075-8500 là 2,15% x 150%; và đối với Thẻ Family Local Credit 970403-8944 là 2,50% x 150%).

Trong quá trình xét xử sơ thẩm, bị đơn ông Phạm Hà Hải Đ vắng mặt và không có văn bản trình bày ý kiến gửi Tòa án.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 29/2020/DS-ST ngày 19/8/2020 của Tòa án nhân dân Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc ông Phạm Hà Hải Đ có trách nhiệm trả cho Ngân hàng TMCP S toàn bộ nợ gốc và lãi, tính đến ngày 04/6/2020 là số tiền 150.738.143 đồng, chi tiết gồm:

Thẻ Visa Credit Gold 472075-8500: Nợ gốc 23.296.206 đồng, lãi quá hạn 41.145.649 đồng. Cộng dư nợ: 64.441.855 đồng.

Thẻ Family Local Credit 970403-8944: Nợ gốc 28.258.956 đồng, lãi quá hạn 58.037.332 đồng. Cộng dư nợ: 86.296.288 đồng.

Lãi quá hạn tiếp tục tính phát sinh trên dư nợ vốn tương ứng, kể từ ngày 05/6/2020 cho đến khi tất toán vốn vay, theo mức lãi suất nợ quá hạn thỏa thuận, cụ thể:

Đối với Thẻ Visa Credit Gold 472075-8500 áp dụng mức lãi suất nợ quá hạn là $(2,15\% \times 150\%)$;

Đối với Thẻ Family Local Credit 970403-8944 áp dụng mức lãi suất nợ quá hạn là $(2,50\% \times 150\%)$.

Thời hạn thanh toán: Trả ngay một lần, kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật. Thi hành án tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên xử về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 31/8/2020, Viện kiểm sát nhân dân Quận X ra Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 495/QĐKNPT-VKS-DS, kháng nghị bản án sơ thẩm trên với nội dung: Yêu cầu cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án đến Tòa án nhân dân Quận X để giải quyết theo thẩm quyền. Vì cấp sơ thẩm đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng như sau:

Về thẩm quyền giải quyết:

Căn cứ Phiếu trả lời xác minh tại Công an phường T, Quận X thì bị đơn Phạm Hà Hải Đ không đăng ký thường trú hay tạm trú tại địa chỉ 33/7 Quốc Hưng, phường T, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh. Như vậy, không có chứng cứ chứng minh bị đơn tạm trú tại Quận X tại thời điểm ký hợp đồng tín dụng với nguyên đơn cũng như tại thời điểm hiện tại. Nguyên đơn có trụ sở ở Quận B, hợp đồng tín dụng được ký kết giữa các bên không thể hiện việc ký kết diễn ra tại Quận X. Do đó, cấp sơ thẩm áp dụng Điểm g khoản 1 Điều 40 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 để giải quyết là chưa chính xác.

Về thủ tục tổng đạt:

Phiếu trả lời kết quả xác minh tại Công an Phường C, Quận B xác minh bị đơn có đăng ký thường trú tại Quận B, tuy nhiên bị đơn không thực tế cư trú tại địa phương từ tháng 7/2004 đến nay; Phiếu trả lời xác minh tại Công an phường T, Quận X xác minh bị đơn không thực tế thường trú hay tạm trú tại Quận X. Như vậy, việc niêm yết công khai không bảo đảm cho bị đơn nhận được thông tin trong quá trình giải quyết vụ án. Trong trường hợp này cấp sơ thẩm cần phải áp dụng khoản 1 Điều 180 của BLTTDS năm 2015 (thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng để đảm bảo quyền cho đương sự).

Về xác minh đương sự trong vụ án:

Tại đơn khởi kiện của nguyên đơn và toàn bộ các biên bản làm việc của Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án đều thể hiện bị đơn – ông Phạm Hà Hải Đ sinh năm 1958, tuy nhiên tại hồ sơ đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng tín dụng, ông Đăng khai sinh ngày 21/5/1987. Việc nhầm lẫn năm sinh dẫn đến việc xác minh tình trạng cư trú của bị đơn tại Công an phường T, Quận B chưa chính xác, cấp sơ thẩm chưa có văn bản yêu cầu Công an phường Thảo Điền đính chính, xác minh lại thông tin đương sự là còn thiếu sót, chưa đảm bảo thống nhất thông tin của đương sự trong hồ sơ vụ án.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh giữ nguyên quyết định kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân Quận X nêu trên và đề nghị cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm vì cấp sơ thẩm đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bị đơn là ông Phạm Hà Hải Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa theo quy định của pháp luật nhưng ông Đ vắng mặt, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt ông Đ theo thủ tục chung.

[2] Xét kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1] Ngân hàng TMCP S khởi kiện yêu cầu ông Phạm Hà Hải Đ phải trả số tiền nợ còn thiếu của Hợp đồng tín dụng đã ký kết. Tại Giấy đề nghị cấp thẻ

tín dụng kiêm hợp đồng được ký kết giữa các bên, ông Đ cung cấp thông tin nơi cư trú như sau:

Thường trú: 351/50 Lê Văn Sỹ, Phường C, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ ở hiện tại: 33/7 Quốc Hưng, phường T, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tại kết quả xác minh của Công an Phường C, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh thì ông Phạm Hà Hải Đ, sinh năm 1987 có đăng ký hộ khẩu thường trú tại 351/50 Lê Văn Sỹ, Phường C, Quận B, hiện nay không thực tế cư trú tại địa phương từ tháng 7/2004 cho đến nay, tạm trú tại 33/7 Quốc Hưng, phường T, Quận X.

Tại kết quả xác minh của Công an phường T, Quận X thì đương sự Phạm Hà Hải Đ, sinh năm 1958 không đăng ký thường trú hay tạm trú tại 33/7 Quốc Hưng, phường T, Quận X.

Căn cứ vào Hợp đồng tín dụng được ký kết giữa các bên và kết quả xác minh trên, Tòa án nhân dân Quận X đã tiến hành thụ lý vụ án và thực hiện thủ tục tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng cho ông Đ theo địa chỉ 33/7 Quốc Hưng, phường T, Quận X là không đúng.

[2.2] Xét thấy: Không có chứng cứ chứng minh bị đơn tạm trú tại Quận X vào thời điểm ký kết hợp đồng tín dụng với nguyên đơn cũng như tại thời điểm cấp sơ thẩm thụ lý vụ án. Nguyên đơn có trụ sở tại Quận X, hợp đồng tín dụng được ký giữa các bên không thể hiện việc ký kết diễn ra tại Quận X. Do đó, cấp sơ thẩm áp dụng Điểm g khoản 1 Điều 40 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 để thụ lý và giải quyết vụ án là chưa chính xác. Trong vụ án này, cần áp dụng quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 để xác định về thẩm quyền giải quyết và Tòa án có thẩm quyền giải quyết vụ án phải là Tòa án nơi bị đơn cư trú, làm việc (Tòa án nhân dân Quận B). Ngoài ra, cấp sơ thẩm phải áp dụng Điều 180 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng theo quy định của Điều này mới đảm bảo quyền lợi cho đương sự, vì có căn cứ xác định là việc niêm yết công khai không đảm bảo cho người được cấp, tổng đạt, thông báo nhận được thông tin về văn bản cần được cấp, tổng đạt, thông báo.

Cấp sơ thẩm đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng mà cấp phúc thẩm không thể khắc phục được. Vì vậy, cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm và giao hồ sơ vụ án về cấp sơ thẩm để chuyển thẩm quyền giải quyết lại theo thủ tục chung. Do bản án sơ thẩm bị hủy về thủ tục tố tụng nên cấp phúc thẩm không xét về nội dung vụ án.

Kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân Quận X và lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 3 Điều 308 và Điều 310 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh.
2. Hủy bản án dân sự sơ thẩm số 29/2020/DS-ST ngày 19/8/2020 của Tòa án nhân dân Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh.
3. Giao hồ sơ vụ án về Tòa án nhân dân Thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh để giải quyết theo thẩm quyền.
4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- TAND Thành phố T, TP.HCM;
- Chi cục THADS Thành phố T, TP.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Tôn Văn Trung

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
CÁC THẨM PHÁN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Quang Phúc

Nguyễn Thị Cúc

Tôn Văn Trung

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- TAND Quận 2, TP.HCM;
- Chi cục THADS Quận 2, TP.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Tôn Văn Trung

